

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 26/8/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Hải
Ông Đỗ Mạnh Dũng.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai tham gia phiên tòa:* Bà Tô Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST - DS, ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2021/QĐST - DS, ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61a/2021/QĐST - DS, ngày 28 tháng 7 năm 2021 và giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 2... LD, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1962 và bà Đàm Thị T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn ...(nay là thôn ...), xã I, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vào ngày 18/7/2017, ông Trần Văn H có mượn của bà số tiền 110.000.000 đồng để xây nhà, thời hạn vay là 07 ngày, còn lãi suất hai bên chỉ thỏa thuận miệng 1,5%/ngày. Đến hạn trả nợ bà đã nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ, nhưng ông H vẫn không trả cho bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận với lãi suất là 1,5%/tháng tính từ ngày 18/7/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, tạm tính đến ngày khởi kiện là 67.485.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Trần Văn H và bà Đàm Thị T phải trả nợ cho bà, tuy nhiên việc vay mượn tiền này chỉ có bà với ông H, còn bà T không có mặt. Nay

ông H nhận trả hết số tiền này cho bà, vì việc vay mượn tiền chỉ có một mình ông H vay, bà T không biết, không liên quan đến bà T, nên bà cũng đồng ý, bà yêu cầu ông H phải trả nợ cho bà.

Ngoài ra, bà N không có yêu cầu gì thêm.

- *Tại bản tự khai bị đơn ông Trần Văn H trình bày:* Năm 2017, ông có vay của bà N số tiền 110.000.000 đồng, khi vay ông hứa cuối năm 2017 trả cho bà N với lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi vay tiền của bà N thì chỉ có một mình ông vay và ký vay tiền của bà N, không có bà T đi cùng, số tiền vay này ông sử dụng riêng, không liên quan đến bà T. Khi đến hạn trả nợ ông chưa trả cho bà N kể cả gốc và lãi. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ông trả tiền gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi là 67.485.000 đồng ông sẽ trả vào cuối tháng 4/2021 ông sẽ trả đủ cho bà N cả gốc và lãi. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì thêm.

- *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Đàm Thị T trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ông H và bà phải trả nợ thì bà không đồng ý trả, vì giấy mượn tiền mà bà N cung cấp cho Tòa án là do một mình ông H vay của bà N, trong giấy vay tiền ông H ghi mục đích vay tiền để xây nhà ở là không có, ông H tự mượn tiền của bà N, ông H sử dụng số tiền này như thế nào bà không biết, ông H cũng không nói gì cho bà biết. Trong giấy vay tiền có ghi tên bà là do ông H tự viết. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Trần Văn H, bà Đàm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Văn H, bà Đàm Thị T tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ là giấy mượn tiền thấy rằng: Ngày 18/7/2017, ông Trần Văn H có mượn của bà Nguyễn Thị N số tiền 110.000.000

đồng, trong thời hạn 07 ngày, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Khi đến hạn trả nợ, bà N đã yêu cầu ông H trả nợ nhiều lần, nhưng ông H vẫn không trả cho bà. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ.

Quá trình tham gia tố tụng ông Trần Văn H thừa nhận còn nợ bà N số tiền gốc 110.000.000 đồng và tiền lãi là 67.485.000 đồng, số tiền này ông xin đến tháng 4/2021 ông sẽ trả đủ cả gốc và lãi cho bà N. Tuy nhiên, đến nay ông H vẫn chưa trả tiền cho bà N. Tại đơn khởi kiện bà N yêu cầu ông Trần Văn H và bà Đàm Thị T phải trả nợ cho bà, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận, việc vay mượn này chỉ có bà N với ông H, còn bà T không có mặt, ông H nhận trả hết số tiền nợ này cho bà N, vì số tiền vay này ông H sử dụng vào mục đích riêng, bà T không biết. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc ông H phải trả cho bà N số tiền gốc 110.000.000 đồng.

Về tiền lãi suất: Tại giấy mượn tiền thể hiện về tiền lãi suất hai bên tự thỏa thuận, nhưng không ghi cụ thể. Quá trình giải quyết vụ án ông H cho rằng hai bên thỏa thuận với mức lãi suất là 2.000đồng/01 triệu/01 ngày, còn bà N cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/ngày. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất. Do đó, bà N yêu cầu ông H phải trả cho bà tiền lãi theo thỏa thuận với mức lãi suất là 1,5%/tháng là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại bản tự khai ông H thừa nhận còn nợ bà N số tiền lãi là 67.485.000 đồng, tại phiên tòa bà N đồng ý với số tiền lãi mà ông H đã thừa nhận. Xét thấy việc thỏa thuận của ông H, bà N phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông H phải trả cho bà N số tiền lãi là 67.485.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi ông H phải trả cho bà N là: 110.000.000 đồng + 67.485.000 đồng = 177.485.000 đồng.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên ông H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463, 466; khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự;

- Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Trần Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 177.485.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.874.250 đồng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.437.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0010270 ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa